

Bản án số: 38/2024/DS-PT
Ngày 15 - 4 - 2024
“V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương và ông Nguyễn Đức Nam.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:**
Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2023/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2023/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2023/QĐ-PT, ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Cao C, sinh năm 1944.
Địa chỉ: Tổ dân phố Tân T, thị trấn Tân Y, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Q, (có mặt).
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Quý Th, luật sư Trần Thị Kim O - Văn phòng Luật sư MHN, đoàn luật sư tỉnh Tuyên Q; địa chỉ: Số 52, tổ 5, phố Tam C, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, (ông Th có mặt, bà O có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Ông Đỗ Đại C1, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Tổ dân phố Tân T, thị trấn Tân Y, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Q, (Đang thi hành án tại trại tạm giam công an tỉnh Tuyên Quang), có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đỗ Đại C1: Luật sư Hoàng Minh Th1 - Văn phòng Luật sư HH, đoàn luật sư tỉnh Tuyên Q, có mặt.

* **Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
- Bà Đỗ Thị Ph, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 38, tổ 13, phường Minh K, thành phố Hà G, tỉnh Hà G, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đỗ Thị Ph: Ông Đỗ Cao C, sinh năm 1944; địa chỉ: Tổ dân phố Tân T, thị trấn Tân Y, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố Tân T, thị trấn Tân Y, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

- Ông Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố Tân Y, thị trấn Tân Y, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố Tân Y, thị trấn Tân Y, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Q, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Đỗ Đại C1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ông Đỗ Cao C trình bày:*

Thửa đất số 174 tờ bản đồ số 05, địa chỉ Tổ dân phố Tân T, thị trấn Tân Y, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 049600, do UBND huyện Hàm Y cấp ngày 06/11/2007 cho hộ Ông Đỗ Cao C và bà Vi Thị P, là tài sản chung của ông và bà Vi Thị P, bà P là vợ ông. Nguồn gốc thửa đất là do ông và bà P khai phá, sử dụng từ cuối năm 1981 đầu năm 1982. Quá trình sử dụng có xây dựng nhà ở năm 1985, đến năm 2004 anh Đỗ Đại C1, là con trai ông lấy vợ và có nhu cầu ở riêng do nhà cũ của ông diện tích nhỏ, ông để cho anh C1 và chị Nguyễn Thị H (chị H là vợ anh C1) làm nhà ở riêng trên một phần diện tích đất của ông và bà P. Nhà ở của anh C1 và chị H là nhà anh chị tự xây dựng và đúng theo hiện trạng như hiện nay đang sử dụng. Do nhu cầu chỗ ở thì ông và bà P để cho anh chị làm nhà ở chứ chưa cụ thể cho, công trình anh C1 chị H xây dựng là nhà bán kiên cố. Khi xây dựng anh C1 tự xây, ông không để ý về việc xác định ranh giới để xây, vì vợ chồng ông tôn trọng con cái và cũng xác định sau này vẫn cho con một phần để con có cuộc sống ổn định.

Năm 2021 bà Vi Thị P chết, không có di chúc, trước đó ông và bà P không có văn bản thoả thuận về tài sản và cũng không có văn bản tặng cho tài sản cho ai. Ông và bà P có 02 người con là anh Đỗ Đại C1 và chị Đỗ Thị Ph, cả 02 người con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, sống tự lập.

Thửa đất số 174 tờ bản đồ số 05 cùng ngôi nhà cũ xây dựng năm 1985-1986 là tài sản chung của ông và bà P, không có công sức đóng góp gì của anh C1 và chị Ph. Thời điểm vợ chồng ông khai phá thửa đất và xây dựng nhà ở anh C1 và chị Ph còn nhỏ, vợ chồng ông vẫn đang phải nuôi và cho đi học, anh C1, chị Ph không có

công sức đóng góp gì trong việc ông và bà P tạo lập lên số tài sản này cả. Việc cấp Giấy chứng nhận có ghi chữ hộ là do chính sách của nhà nước tại thời điểm cấp giấy, từ năm 2007 đến nay ông cũng không để ý, vì cả gia đình vẫn xác định đó là tài sản chung của ông và bà P tạo lập, chưa cho con cái nên không để ý gì về nội dung câu chữ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Ông xác định thửa đất số 174 tờ bản đồ số 05 như đã nêu có diện tích chiều ngang tám mét đường là 17,5m và chiều ngang cạnh đáy đằng sau là 16,1m, đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông được cấp năm 2007, còn chiều dài thửa đất thì đúng như hiện trạng đang sử dụng và kết quả thẩm định của Toà án đã tiến hành. Nếu có sự chênh lệch về chiều dài đất và tổng diện tích thửa đất có thể là do sai số đo đạc do cách đo của từng lần. Nhưng ông khẳng định chiều ngang của thửa đất tám mét đường là 17,5m và chiều ngang cạnh đáy là 16,1m vì đã có sự xác định ranh giới với hai bên hàng xóm.

Ông đề nghị Toà án giải quyết chia diện tích đất làm 3 phần cụ thể: chia cho anh Đỗ Đại C1 05m chiều ngang tám mét đường, cạnh đáy là 04m, chiều dài hết đất; chị Đỗ Thị Ph 05m chiều ngang tám mét đường, cạnh đáy là 04m, chiều dài hết đất; còn lại 7,5m chiều ngang tám mét đường, chiều dài hết đất, chiều ngang cạnh đáy còn lại bao nhiêu là phần của ông.

Ông và chị Đỗ Thị Ph đã cùng thống nhất sau khi giải quyết chia xong thì diện tích đất của ông và chị Ph sẽ bán cho ông Tr và anh T. Việc thoả thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông, chị Ph và ông Tr, anh T là hoàn toàn tự nguyện, khi thoả thuận ông đã tính đến diện tích đất ông và chị Ph được hưởng, ông và chị Ph không làm gì vượt quá quyền của mình. Về hợp đồng đặt cọc ông và chị Ph giao kết với ông Tr và anh T cũng là tự nguyện, ông và chị Ph đã nhận tiền, chờ giải quyết tranh chấp xong, sẽ tiếp tục thực hiện các nội dung thoả thuận. Vì vậy, ông và chị Ph thống nhất khi giải quyết vụ án đồng thời đề nghị Toà án công nhận hợp đồng đặt cọc giữa ông, chị Ph và ông Tr, anh T.

Đối với tài sản trên đất sau khi phân chia anh C1 sẽ phải tháo dỡ, việc tháo dỡ ảnh hưởng đến công trình xây dựng, ông sẽ trả cho anh C1 và chị H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

* Ý kiến của bị đơn, Ông Đỗ Đại C1 trong quá trình giải quyết: Ông xác nhận Ông Đỗ Cao C là bố đẻ ông, bà Vi Thị P là mẹ đẻ ông, bà P chết không để lại di chúc. Thửa đất số 174 tờ bản đồ số 05, địa chỉ Tổ dân phố Tân T, thị trấn Tân Y, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 049600, do UBND huyện Hàm Y cấp ngày 06/11/2007 cho hộ Ông Đỗ Cao C và bà Vi Thị P, là tài sản của gia đình, ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C về việc chia tài sản như ông C đã đưa ra. Ông không nhất trí với thoả thuận

hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tr, anh T và ông C, chị Ph.

* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Đỗ Thị Ph: Chị xác nhận những nội dung về quan hệ gia đình, tài sản chung của ông C bà P như ông C trình bày là đúng. Chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C và chị xác định phần tài sản anh C1 được ông C chia còn vượt quá số tài sản anh C1 được nhận. Chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C và những ý kiến ông C đã trình bày. Đồng thời, chị cũng xác nhận nội dung hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C, chị và ông Tr, anh T là thoả thuận tự nguyện giữa các bên, chị và ông C đã nhận tiền cọc, tài sản chị và ông C thoả thuận chuyển nhượng được cân nhắc trên phần tài sản chị và ông C được hưởng, không vượt quá. Chị nhất trí đề nghị Toà án công nhận hợp đồng đặt cọc này.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Quốc Tr và anh Nguyễn Văn T có cầu độc lập; Ông Tr và anh T xác nhận việc thoả thuận đặt cọc để thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tr, anh T và ông C, chị Ph là thoả thuận tự nguyện giữa các bên, do sinh sống cùng địa bàn nên có nắm được ông C có tài sản cụ thể nên mới thoả thuận chuyển nhượng. Ông Tr và anh T cùng thống nhất ý kiến đề nghị Toà án giải quyết công nhận hợp đồng đặt cọc giữa ông Tr, anh T và ông C, chị Ph.

Người có quyền lợi liên quan, bà Nguyễn Thị H có ý kiến xác nhận về mối quan hệ giữa bà và ông C1, ông C, chị Ph đúng như ông C1 đã trình bày, bà là vợ của ông C1, bà xác nhận ngay từ khi kết hôn với ông C1 vợ chồng bà đã sinh sống tại thửa đất đang có tranh chấp. Mọi ý kiến bà nhất trí như ý kiến của ông C1, bà không bổ sung thêm gì.

Vụ án trên đã được Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2023/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Hàm Yên đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 137, 147, 157, 165, 166, 227, 261, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 117, 213, 218, 219, 328, 609, 612, 613, 614, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Cao C về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và chia tài sản thừa kế, cụ thể:

Ông Đỗ Cao C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 342,8m² đất; trong đó: 40m² đất ở tại đô thị, 302,8m² đất trồng cây lâu năm. Ông Đỗ Đại C1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 251,4m² đất; trong đó: 40m² đất ở tại đô thị, 211,4m² đất trồng cây lâu năm. Bà Đỗ Thị Ph được quyền quản lý, sử dụng diện tích 207,3m² đất; trong đó: 40m² đất ở tại đô thị, 167,3m² đất trồng cây lâu năm. Toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 174 tờ bản đồ số 05, địa chỉ Tổ dân phố Tân T, thị trấn Tân Y, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 049600, do UBND huyện Hàm Y cấp ngày 06/11/2007 cho hộ Ông Đỗ Cao C và bà Vi Thị P.

(Diện tích đất ông C, ông C1, bà Ph được quyền quản lý, sử dụng thể hiện cụ thể là các thửa S1, S2, S3 Mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất có tách thửa được kèm theo Bản án không tách rời).

Ông Đỗ Cao C có nghĩa vụ trả cho Ông Đỗ Đại C1 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Công nhận Hợp đồng đặt cọc được lập giữa Ông Đỗ Cao C bà Đỗ Thị Ph với ông Nguyễn Quốc Tr anh Nguyễn Văn T ngày 24/4/2022 có hiệu lực.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/10/2023, bị đơn Ông Đỗ Đại C1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Vợ chồng ông đã được bố mẹ cho diện tích đất, đã xây dựng nhà kiên cố từ năm 2004 trên diện tích đất rộng 10m mặt đường, sâu 50m, khi làm nhà không ai có ý kiến phản đối gì. Việc bố và em gái ông là ông C và bà Ph giao dịch đặt cọc với ông Nguyễn Quốc Tr và Nguyễn Văn T để mua bán chuyển nhượng nhà là vô hiệu vì chuyển nhượng cả diện tích đất có tài sản của gia đình ông, đề nghị tòa án xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 20/10/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án với nội dung: Tháng 7/2004 bà và chồng bà là ông C1 kết hôn, vì là con trai cả nên đã được bố mẹ cho đất để xây dựng nhà ở trên diện tích 10m chiều rộng mặt đường, sâu 50m, nhà xây kiên cố có móng tường rộng 7,5m x50, việc xây nhà có bố chồng bà Ông Đỗ Cao C và mẹ chồng bà là Vi Thị P và em gái chồng là bà Ph đều biết nhưng không ai phản đối ngăn cản, tức là đã được cho đất trong thời kỳ hôn nhân theo án lệ 03/2016 của Tòa án nhân dân tối cao. Việc Ông Đỗ Cao C và bà Đỗ Thị Ph giao dịch đặt cọc mua bán với ông Nguyễn Quốc Tr, ông Nguyễn Văn T là giao dịch vô hiệu do không được đồng ý của gia đình bà, gia đình bà đã xây dựng nhà kiên cố, đề nghị tòa án xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Ông Đỗ Cao C và Ông Đỗ Cao C cùng thống nhất trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên; Đối với các vật kiến trúc trên đất như công trình nhà mái che lợp tôn diện tích 95,4m², 01 công trình phụ trợ lợp fibro xi măng, xà gồ gỗ diện tích 36,37m² của anh C1 lợp đề nghị tòa tuyên bố sung buộc anh C1 phải tháo dỡ phần mái tôn, tháo dỡ công trình phụ trợ này; đối với 01 nhà bếp có diện tích 26,6m² là tài sản của vợ chồng ông và bà P, nếu Tòa án chia diện tích đất này cho anh C1 ông sẽ tháo dỡ đề bàn giao diện tích đất này cho anh C1, chị Ph.

Bị đơn trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét nguồn gốc đất vì thửa đất này vợ chồng bà Vũ Thị Th2 và ông Đỗ Hữu B (đã chết) tặng cho gia đình ông bà Đỗ Cao C, Vi Thị P và con trai là Đỗ Đại C1; Đồng thời hiện nay giữa Ông Đỗ Cao C và ông Mai Hồng Ph1 có tranh chấp về ranh giới, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết xong tranh chấp về ranh giới với ông Mai Hồng Ph1.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Hoàng Minh Th1 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai nguồn gốc đất, nguồn gốc đất là do ông bà B Th2 tặng cho trong đó có cho cả anh C1, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên hủy hợp đồng đặt cọc giữa ông C, chị Ph với anh T, anh Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Nhất trí với ý kiến trình bày của ông C1, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn Ông Đỗ Đại C1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H; Do bản án sơ thẩm không tuyên buộc tháo dỡ các công trình vật kiến trúc trên đất đồng thời cấp sơ thẩm không phân chia diện tích đất hành lang đường HNK đã

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Đỗ Cao C và bà Vi Thị P là ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, do vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên theo hướng giữ nguyên quyết định về việc chia di sản thừa kế, tuyên buộc các đương sự phải tháo dỡ các tài sản để giao đất cho người được chia thừa kế, buộc người được nhận đất phải thanh toán giá trị vật kiến trúc, công trình cho người phải tháo dỡ và tuyên phân chia di sản thừa kế bao gồm cả diện tích đất HNK đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 049600.

Về chi phí tố tụng, án phí phúc thẩm: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Ông Đỗ Đại C1, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Cao C, và nội dung kháng cáo của bị đơn Ông Đỗ Đại C1, kháng cáo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về di sản thừa kế trong tài sản chung vợ chồng hiện có tranh chấp:

Theo các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, do tòa án cấp sơ thẩm thu thập được thể hiện: Thừa đất số 174, tờ bản đồ số 05 trước đây có nguồn gốc của ông B bà Th2, vợ chồng ông C bà P đã thỏa thuận với ông B bà Th2 sẽ san ủi toàn bộ diện tích đất để trồng sắn và chia mỗi bên được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất này; ngày 30/5/1984 Ông Đỗ Cao C có đơn xin đất làm nhà gửi UBND xã Nhân M, UBND huyện Hàm Y, Phòng xây dựng huyện Hàm Y với nội dung xin được cấp đất làm nhà, ngày 05/6/1984 UBND xã Nhân M xác nhận đơn đề nghị phòng xây dựng huyện, UBND huyện xét duyệt đơn của ông C; Ngày 31/7/1984 phòng xây dựng huyện Hàm Y xác nhận nhất trí với đơn xin cấp đất của Ông Đỗ Cao C, ngày 02/8/1984 UBND huyện Hàm Y có ý kiến xác nhận nhất trí cấp cho Ông Đỗ Cao C diện tích đất nêu trên (BL số 10, 13, 208). Ngày 06/11/2007 UBND huyện Hàm Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 049600 cho hộ Ông Đỗ Cao C và bà Vi Thị P. Như vậy có căn cứ xác định thửa đất số 174, tờ bản đồ số 05 là tài sản chung của vợ chồng Ông Đỗ Cao C và bà Vi Thị P.

Tài sản chung vợ chồng của Ông Đỗ Cao C và bà Vi Thị P gồm:

+ Quyền sử dụng đất của thửa đất số 174 tờ bản đồ 05.

+ Tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà xây cấp IV 1 tầng, mái bê tông cốt thép diện tích 54,4m², xây dựng năm 1986 trị giá theo định giá 0đ; 01 nhà 1 tầng xây một tầng, xây gạch 110mm bổ trụ cao 2,6m mái lợp Proximang diện tích 44,2m² xây dựng 1986 (công trình vị trí số 4, số 5 tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ BL 158, 178).

+ Toàn bộ cây trồng trên đất trị giá 17.487.000 đồng.

Ngày 23/4/2021 bà Vi Thị P chết không để lại di chúc, khi sống không có văn bản tặng cho tài sản, không chuyển nhượng tài sản cho ai; do vậy ½ khối tài sản nêu trên được xác định là di sản thừa kế và được chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ông Đỗ Đại C1 cho rằng nguồn gốc thửa đất số 174, tờ bản đồ 05 là của ông C, bà P và ông C1 là được ông B, bà Th2 tặng cho chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thửa đất số 174 tờ bản đồ 05 được ông B bà Th2 chuyển nhượng tặng cho thông qua việc thỏa thuận ông C bỏ chi phí san ủi và được sử dụng ½ diện tích đất, từ năm 1984 ông C bà P đã sử dụng ổn định từ đó đến nay, thời điểm năm 1984 ông C1 mới 18 tuổi, tại phiên tòa Phúc thẩm ông C1 xác định có đi học cấp 3 học chuyên nghiệp, sống phụ thuộc không có đóng góp gì cho bố mẹ đối với thửa đất nêu trên, hơn nữa thửa đất số 174, tờ bản đồ 05 đã được UBND huyện Hàm Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 049600 cho hộ Ông Đỗ Cao C và bà Vi Thị P, do đó nội dung kháng cáo, nội dung trình bày của Ông Đỗ Đại C1 và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ông Đỗ Đại C1 là không có căn cứ chấp nhận. Đồng thời không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của Ông Đỗ Đại C1 cho rằng diện tích đất này đã được bố mẹ ông là ông C, bà P tặng cho từ năm 2004.

[2.2] Về hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận và trình bày Ông Đỗ Cao C và bà Vi Thị P là hai vợ chồng, ông C, bà P có 02 người con chung là Đỗ Đại C1 và Đỗ Thị Ph, bà Vi Thị P không có con riêng, không có con nuôi, thời điểm bà P chết hàng thừa kế thứ nhất của bà P gồm ông C, anh C1, chị Ph do đó cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của bà Vi Thị P là ½ giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 174, tờ bản đồ 05 và các tài sản trên đất là 01 ngôi nhà, 01 bếp là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về cách chia di sản:

Yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế trong khối tài sản chung vợ chồng của ông C và ý kiến của bà Đỗ Thị Ph là có cơ sở chấp nhận, Thửa đất 174, tờ bản đồ 05 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 4, 01 bếp, cây trồng trên đất là tài sản chung của ông C, bà P, bà P chết không để lại di chúc, do vậy di sản thừa kế chia cho 03 đồng thừa kế là quyền sử dụng đất của ½ thửa đất nêu trên và ½ giá trị nhà, bếp, cây cối gắn liền với quyết sử dụng đất.

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, tuy nhiên không thể hiện đầy đủ các vật kiến trúc trên đất như: 01 nhà mái che lợp tôn diện tích 95,4m²; 01 công trình nhà 01 tầng xây gạch 110 bô trụ mái lợp Proximang diện tích 44,2m (nhà bếp), không tuyên buộc các đương sự phải tháo dỡ vật kiến trúc trên đất là có thiếu sót gây khó khăn cho việc thi hành bản án, Sơ đồ đo vẽ không thể hiện, đồng thời bản án sơ thẩm không phân chia diện tích đất HNK (đất hành lang giao thông) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Đỗ Cao C, bà Vi Thị P là có thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, diện tích đất chia cho các đương sự trong phần quyết định của bản án và mảnh trích đo kèm theo bản án không trùng khớp dẫn tới khó khăn cho việc thi hành án; Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ngôi nhà xây dựng năm 2004 giá trị 8.998.544 đồng là di sản thừa kế là không đúng, bởi đây là ngôi nhà của vợ chồng ông C1 xây dựng năm 2004 được định giá 8.998.554 đồng, cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm các nội dung này.

Tại cấp phúc thẩm Ông Đỗ Đại C1 đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ lại, với lý do ngôi nhà ông làm năm 2004 rộng 5m và móng loe ra hai bên, ngày 21/3/2024 Tòa án tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung, đã khắc phục được những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm do vậy không cần thiết hủy bản án, mà tiến hành rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung thể hiện: Mặt tiếp giáp quốc lộ 2 thửa đất có chiều rộng 17,50m (đã trừ diện tích có tranh chấp với ông Mai Hồng Ph1), phía sau tiếp giáp đất nhà ông T2 có chiều rộng 16,52m; Ngôi nhà cấp 4 Ông Đỗ Đại C1 xây dựng có chiều rộng 4,2m móng thẳng không loe ra hai bên; Do kết quả đo vẽ có sự chênh lệch về độ dài cạnh phía sau, về diện tích so với kết quả đo vẽ lần 1, nên HĐXX sử dụng kết quả đo vẽ lần sau để giải quyết vụ án; Kết quả thẩm định thể hiện ông C1 đang sử dụng 1 phần diện tích đất, đã xây nhà cấp IV từ năm 2004 phía tiếp giáp thửa đất ông Mai Hồng Ph1, để thuận tiện trong việc sử dụng đất và không phải tháo dỡ, di rời tài sản là nhà cấp 4 xây năm 2004, 01 nhà vệ sinh của Ông Đỗ Đại C1 do vậy cần phân chia cho ông C1 quản lý sử dụng một phần thửa đất số 174, tờ bản đồ 05 tiếp giáp với đất nhà Ông Mai Hồng Ph1.

Thửa đất số 174, tờ bản đồ 05 có chiều rộng mặt đường quốc lộ 2 là 17,5m, phần di sản thừa kế của bà Vi Thị P để lại ánh định bằng 8,75m (tính theo chiều rộng mặt đường); Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia cho Ông Đỗ Đại C1 được sử dụng diện tích đất phía tiếp giáp đường quốc lộ 2 chiều rộng 5m, chiều sâu hết đất, phía sau rộng 4,0m là đã nhiều hơn so với định suất thừa kế mà ông C1 được hưởng theo quy định của pháp luật; Sau khi xét xử sơ thẩm Ông Đỗ Cao C và bà Đỗ Thị Ph không có kháng cáo, do vậy HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về vị trí thửa đất: Chia cho ông C1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 276,2m² đất phía trước giáp quốc lộ 2 = 5m, phía sau tiếp giáp nhà đất nhà T2 = 4,02m; trong đó:

40m² đất ở tại đô thị, 221,2m² đất trồng cây lâu năm và 15m² đất HNK, trị giá **104.763.200 đồng**; Cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc phân chia cho chị Đỗ Thị Ph và Ông Đỗ Cao C tuy nhiên cấp phúc thẩm chỉnh sửa lại diện tích theo kết quả đo vẽ thẩm định lại cụ thể: Chị Đỗ Thị Ph được sử dụng một phần thửa đất có chiều rộng mặt đường 5m chiều sâu hết đất, chiều rộng phía sau 4m, diện tích bà Ph được sử dụng là 232,1m² trong đó: 40m² đất ở tại đô thị, 177,1m² đất trồng cây lâu năm (15m²) đất HNK trị giá **103.175.600 đồng**; phân chia cho Ông Đỗ Cao C được sử dụng một phần thửa đất có chiều rộng mặt đường 7,5m; chiều sâu hết đất, chiều rộng phía sau 8,5m diện tích 374,0m² trong đó: 40m² đất ở tại đô thị, 304m² đất trồng cây lâu năm, 30m² đất HNK trị giá **107.744.000 đồng**.

Đối với diện tích đất theo xác định của ông Mai Hồng Ph1 là đang có tranh chấp với hộ Ông Đỗ Cao C được xác định tại các điểm 2.6.7.8.9.10.11.3.2 = 9,3m²; trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm ông Mai Hồng Ph1 có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về diện tích đất này, Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản số 422/CV-TA ngày 04/5/2023 trả lời ông Mai Hồng Ph1, và từ đó đến khi xét xử sơ thẩm, phúc thẩm ông Ph1, ông C, ông C1 không có đương sự nào thực hiện việc khởi kiện theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm Ông Đỗ Cao C đề nghị không yêu cầu giải quyết đối với diện tích đất này, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không xác định diện tích đất này là di sản thừa kế, là tài sản chung vợ chồng của ông C bà P và không tiến hành phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất này là phù hợp, đúng quy định của pháp luật, việc bị đơn Đỗ Đại C1 đề nghị giải quyết luôn tranh chấp này là nhằm kéo dài vụ án, gây khó khăn cho việc chia di sản thừa kế, do vậy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Ông Đỗ Đại C1 về nội dung này.

Đối với giá trị tài sản trên đất: Cây trồng 17.487.800 đồng ½ giá trị thuộc quyền sở hữu của ông C, đối với ½ giá trị thuộc quyền sở hữu của bà P được xác định là di sản thừa kế và chia cho ông C, ông C1, bà Ph mỗi người 1/3 giá trị, ông C1 được hưởng 2.914.000 đồng, do không thể xác định và kiểm đếm vị trí từng cây trồng cụ thể nên giao cho các đương sự được quyền sử dụng cây trồng trên diện tích đất được chia mà không buộc các đương sự phải thanh toán giá trị cho nhau.

Do chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của Ông Đỗ Cao C thửa đất số 174, tờ bản đồ 05 được phân chia cho 03 người do vậy cần buộc các đương sự phải tháo dỡ các công trình vật kiến trúc cụ thể: Buộc Ông Đỗ Đại C1 phải tháo dỡ các công trình bao gồm: 01 nhà mái che lợp tôn, sà gò, vì kèo thép hộp xây dựng năm 2015, diện tích 94,4m² giá trị 9.837.266 đồng; 01 công trình phụ trợ mái lợp Proximang xà gỗ gỗ diện tích 36,75m²; 01 kê đất đá hỗn hợp để giao đất cho Ông Đỗ Cao C và bà Đỗ Thị Ph giá trị còn lại theo định giá 0 đồng.

Ông C và bà Ph tự nguyện trả cho ông C1 số tiền 50.000.000 đồng để bù vào mái tôn vợ chồng ông C1 làm và tiền chia giá trị tài sản là phù hợp nên chấp nhận cần tuyên buộc ông C bà Ph có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 50.000.000 đồng này.

Buộc Ông Đỗ Cao C phải tháo dỡ 01 công trình nhà 01 tầng xây gạch 110 bộ trụ mái lợp Proximang diện tích 44,2m (nhà bếp) giá trị còn lại theo định giá 0đ để giao đất cho Đỗ Đại C1, và tháo dỡ 01 nhà xây cấp 4 mái bê tông cốt thép diện tích 54,4m² để giao đất cho chị Đỗ Thị Ph.

[2.4] Đối với kháng cáo đề nghị Hủy Hợp đồng đặt cọc: Hợp đồng đặt cọc được lập giữa Ông Đỗ Cao C, bà Đỗ Thị Ph với ông Nguyễn Quốc Tr, anh Nguyễn Văn T ngày 24/4/2022 được lập trên cơ sở ý chí tự nguyện của các bên. Trong quá trình giải quyết, từ khi thụ lý yêu cầu độc lập của ông Tr anh T, ông C, bà Ph đều thừa nhận nội dung Hợp đồng đặt cọc là đúng, ông C, bà Ph tự nguyện giao kết hợp đồng đặt cọc, đã nhận số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỉ đồng*) mục đích đặt cọc để các bên giao kết hợp đồng chuyển nhượng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 24/4/2022, các bên đều thống nhất tiếp tục thực hiện các nội dung đã thể hiện trong Hợp đồng đặt cọc, sau khi giải quyết tranh chấp với Ông Đỗ Đại C1 xong sẽ thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng đặt cọc này có đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Đỗ Đại C1 đề nghị tuyên hủy hoặc tuyên vô hiệu hợp đồng đặt cọc ngày 24/4/2022; Các bên tham gia hợp đồng không có tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu này chung trong vụ án là không cần thiết, tuy nhiên những người tham gia ký kết hợp đồng không có kháng cáo về nội dung này do đó Tòa án cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm về nội dung này.

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng cần bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn Ông Đỗ Đại C1 và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, tuy nhiên cần sửa một phần bản án như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lần 1: Ông Đỗ Cao C tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng; tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.570.000đ (*Tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*). Toàn bộ chi phí này ông C đã nộp đủ trong quá trình giải quyết vụ án.

Chi phí xem xét thẩm định bổ sung tại cấp phúc thẩm: Tổng số 9.494.000đ (*Chín triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn đồng*) do yêu cầu kháng cáo của Ông Đỗ Đại C1 không được chấp nhận nên cần buộc Ông Đỗ Đại C1 chịu số tiền này, ông C1 đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định bổ sung.

[2.6] Về án phí: Ông C, ông C1, bà Ph phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia; Ông C, bà Ph phải chịu thêm án phí có giá ngạch phần tài sản phải thanh toán cho Ông Đỗ Đại C1. Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại mức án phí dân sự sơ thẩm theo diện tích các đương sự được hưởng theo bản án phúc thẩm, cụ thể: Ông Đỗ Đại C1 phải chịu 5.238.000đ (*Năm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*); bà Đỗ Thị Ph phải chịu 6.408.000đ (*Sáu triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng*); Ông C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên miễn nộp tiền án phí đối với ông C.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Đỗ Đại C1, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Đỗ Đại C1 và kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về việc tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 149/2023/DS - ST, ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

II. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 149/2023/DS - ST, ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Cao C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế trong khối tài sản chung vợ chồng, phân chia tài sản chung của vợ chồng cụ thể:

+ Ông Đỗ Cao C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 374,0m² trong đó: 40m² đất ở tại đô thị, 304m² đất trồng cây lâu năm, 30m² đất HNK, được giới hạn bởi các điểm 20.23.16.17.18.19.4.20;

+ Bà Đỗ Thị Ph được quyền quản lý, sử dụng diện tích 232,1m² trong đó: 40m² đất ở tại đô thị, 177,1m² đất trồng cây lâu năm (15m²) đất HNK, được giới hạn bởi các điểm 21.22.23.20.21;

+ Ông Đỗ Đại C1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 276,2m² trong đó: 40m² đất ở tại đô thị, 221,2m² đất trồng cây lâu năm và 15m² đất HNK, được giới hạn bởi các điểm: 3.11.10.12.13.14.15.22.21.3;

Diện tích đất ông C, bà Ph, ông C1, được quyền quản lý, sử dụng thể hiện cụ thể là các thửa S1, S2, S3 tại mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất ban hành kèm theo bản án phúc thẩm.

Buộc Ông Đỗ Đại C1 phải tháo dỡ các công trình bao gồm: 01 nhà mái che lợp tôn, sà gồ, vì kèo thép hộp xây dựng năm 2015, diện tích 94,4m² giá trị 9.837.266 đồng; 01 công trình phụ trợ mái lợp Proximang xà gồ diện tích 36,75m²; 01 kè xây hỗn hợp đất đá để giao đất cho Ông Đỗ Cao C và bà Đỗ Thị Ph.

Buộc Ông Đỗ Cao C và bà Đỗ Thị Ph liên đới trả cho Ông Đỗ Đại C1 giá trị tài sản mà ông C1 phải tháo dỡ là 50.000.000 đồng, chia ra Ông Đỗ Cao C, bà Đỗ Thị Ph mỗi người phải trả cho Ông Đỗ Đại C1 25.000.000đ.

Buộc Ông Đỗ Cao C phải tháo dỡ 01 công trình nhà 01 tầng xây gạch 110 bô trụ mái lợp Proximang diện tích 44,2m (nhà bếp) giá trị còn lại theo định giá 0 đồng để giao đất cho Đỗ Đại C1, và tháo dỡ 01 nhà xây cấp 4 mái bê tông cốt thép diện tích 54,4m² để giao đất cho chị Đỗ Thị Ph.

Công nhận Hợp đồng đặt cọc được lập giữa Ông Đỗ Cao C bà Đỗ Thị Ph với ông Nguyễn Quốc Tr, anh Nguyễn Văn T ngày 24/4/2022 có hiệu lực.

2. Chi phí tố tụng: Ghi nhận Ông Đỗ Cao C đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, số tiền 8.570.000đ (*Tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Đại C1 phải nộp án phí dân sự có giá ngạch, số tiền là 5.238.000đ (*Năm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Bà Đỗ Thị Ph phải nộp án phí dân sự có giá ngạch, số tiền là 6.408.000đ (*Sáu triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng*).

Miễn nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với Ông Đỗ Cao C.

Ông Nguyễn Quốc Tr và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Trong đó: Anh T phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004826 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, trả lại cho anh T số tiền chênh lệch 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*); ông Tr phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004825 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, trả lại cho ông Tr số tiền chênh lệch 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

III. Về chi phí thẩm định tại chỗ, án phí tại cấp phúc thẩm:

Buộc Ông Đỗ Đại C1 phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 9.494.000đ (*Chín triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn đồng*), xác nhận ông C1 đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định tại chỗ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Ông Đỗ Đại C1 và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000403,0000404 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên. Ông C1, bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2024).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Hàm Yên;
- CC.THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- HCTP (VPTAT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Ngọc Trung